

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2018/HS - ST
Ngày: 27 - 9 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bạ, ông Phạm Phúc Ân.

- Thư ký phiên toà: Ông Đặng Thái Long – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh tham gia phiên toà: Bà Lê Thị H, bà Đỗ Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại Nhà văn hóa khu dân cư C, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 57/2018/TLST-HS ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2018/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Thanh H, sinh năm 1980 tại phường S, thị xã C.

Nơi cư trú: Số nhà 6A, đường N, khu dân cư H, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ và bà Trần Thị R; có chồng là Đặng Xuân Q (đã chết) và 03 con, lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 12/7/2018, có mặt.

2. Nguyễn Đức S, sinh năm 1996 tại xã V, thị xã C.

Nơi cư trú: Thôn K, xã V, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Đỗ Thị M; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 21/5/2018, có mặt.

3. Tạ Văn C, sinh năm 1996 tại xã H, thị xã C.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã H, thị xã C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Văn H và bà Dương Thị T; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; tiền án, tiền sự: Không; bị giữ từ ngày 18/5/2018 đến ngày 21/5/2018 thì chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi - Công an tỉnh Hải Dương, có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

1. Bà Lê Thị Thu H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương (người bào chữa cho bị cáo Lê Thị Thanh H), có mặt.

2. Ông Lê Quy H, sinh năm 1953; nơi cư trú: Khu dân cư C, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (người làm chứng), vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Quý T, sinh năm 1958; nơi cư trú: Khu dân cư C, phường C, thị xã C, tỉnh Hải Dương (người làm chứng), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tạ Văn C là người nghiện ma túy. Khoảng 18 giờ ngày 18/5/2018, C gọi điện cho bạn là Nguyễn Đức S hỏi *“ông có biết chỗ nào lấy đồ không, lấy cho tôi năm trăm”*, ý C hỏi S biết ở đâu bán ma túy không để mua 500.000 đồng, S trả lời *“đợi tí, để tôi hỏi”*. S biết Lê Thị Thanh H có ma túy bán nên S gọi điện cho H hỏi *“cô có không cháu lấy hộ thằng bạn cháu”*, H hiểu ý S hỏi có ma túy không để bán cho bạn của S, H trả lời *“có, lấy bao nhiêu?”*, S trả lời *“lấy năm trăm, tí bạn cháu qua nó lấy, cháu bảo bạn cháu lên cổng Trường tiểu học S nhé”*, H trả lời *“ừ”*. Sau đó S gọi điện cho C hỏi *“ông có biết lối rẽ vào Trường tiểu học S không, lên đấy đứng ra đầu đường, lối rẽ vào trường tiểu học, tý tôi gửi số, gọi điện có người ra đưa”*. Nghe xong điện thoại của S, C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 34C1-152.96 thuộc sở hữu của mình đến khu vực cổng Trường tiểu học S thuộc khu dân cư H, phường S rồi gọi điện vào số điện thoại 0988.483.826 của H mà S vừa gửi tin nhắn đến nói *“em là bạn của S, chị đang ở đâu?”*. Lúc này, H nhìn thấy C đang mặc áo màu vàng và sử dụng điện thoại nên hỏi *“mày áo vàng kia à”*, đồng thời vẫy tay gọi C. C đi đến chỗ H, H hỏi *“đi một mình hay đi với ai?”*, C trả lời *“em đi một mình”*. Sau đó C đưa cho H 500.000 đồng để mua ma túy, H đưa lại cho C 01 túi nilon màu trắng, kích thước 1,8 x 1,8 cm, bên ngoài bọc bằng giấy vệ sinh, bên trong túi nilon chứa chất kết tinh màu trắng dạng cục là ma túy đá. Sau khi mua được ma túy, C cầm gói ma túy trong lòng bàn tay trái rồi đi xe về. Khi C đi đến đoạn đường thuộc khu dân cư C, phường C, thị xã C thì bị lực lượng Công an thị xã Chí Linh phát hiện, bắt quả tang. Thu giữ tại lòng bàn tay trái của C gói ma túy mà C vừa mua của H nêu trên cùng chiếc xe mô tô đang điều khiển và chiếc điện thoại di động mà C đã dùng để liên lạc với S và H hỏi mua ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 2674/C54(TT2) ngày 25/5/2018 của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát kết luận: Mẫu kết tinh màu trắng dạng cục trong 01 túi nilon gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,232 gam.

Tại bản cáo trạng số 58/CT-VKS-CL ngày 21/8/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đã truy tố các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Tạ Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên và xin giảm nhẹ hình phạt. Các bị cáo đều xác định số ma túy đã thu giữ là của bị cáo C, bị cáo S chỉ là người kết nối để C mua được ma túy của bị cáo H, bị cáo S không được hưởng lợi gì.

Người bào chữa cho bị cáo H trình bày: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh truy tố bị cáo H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng và có căn cứ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, là cá nhân thuộc hộ nghèo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử phạt bị cáo từ 27 đến 30 tháng tù; không áp dụng dùng phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tuyên bố bị cáo Tạ văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo H và Sinh, xử phạt bị cáo H từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/7/2018; xử phạt bị cáo S từ 24 đến 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 21/5/2018. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo C từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/5/2018; về hình phạt bổ sung: Không áp dụng; về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu cho tiêu hủy: 0,123 gam mẫu chất màu trắng và vỏ bao gói mẫu hoàn lại sau giám định; tịch thu phát mại sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại kèm theo Sim đã thu giữ của bị cáo C và bị cáo S; tịch thu cho tiêu hủy 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng (đã cũ); truy thu của bị cáo H số tiền 500.000 đồng sung quỹ Nhà nước; trả lại bị cáo C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream màu nâu, số mô tô biển kiểm soát 34C1-152.96; về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo S và C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 18 giờ ngày 18/5/2018, Tạ Văn C gọi điện cho Nguyễn Đức S hỏi xem có chỗ nào bán ma túy để mua về sử dụng, S biết Lê Thị Thanh H có ma túy bán nên đã đồng ý và gọi điện cho H hỏi mua hộ ma túy cho C. H đồng ý, S nhắn số điện thoại của H cho C và nhắn tin số điện thoại của C cho H. Sau đó C đi xe mô tô đến khu vực cổng Trường tiểu học S thuộc khu dân cư H, phường S, thị xã Chí Linh mua của H 0,232 gam ma túy loại Methamphetamine với giá 500.000 đồng. C cầm gói ma túy vừa mua được đi về đến khu dân cư C, phường C, thị xã C thì bị phát hiện bắt quả tang.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự và ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật và bị nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S đã cấu thành thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự. Hành vi của Tạ Văn Ch đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự. Do đó, việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S là đồng phạm trong tội “Mua bán trái phép chất ma túy” với tính chất giản đơn, S biết H có ma túy bán nên đã liên lạc, là cầu nối để H bán được ma túy cho C, S không được hưởng lợi gì từ H và C nên bị cáo H là người giữ vai trò chính. Bị cáo S là đồng phạm với vai trò giúp sức.

[5] Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận tội nên các bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “người phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Hội đồng xét xử thấy cần phải áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian tương xứng với tính chất, vai trò hành vi của mỗi bị cáo mới đảm bảo mục đích trừng trị, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét tính chất hành vi, điều kiện kinh tế của các bị cáo, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Số ma túy đã thu giữ sau khi giám định hoàn lại là 0,123 gam và vỏ bao gói mẫu giám định là vật Nhà nước cầm lưu hành nên cần tịch thu cho tiêu hủy; 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng công cụ sử dụng vào việc phạm tội

không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy. Đối với 02 chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo C và bị cáo S là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu phát mai sung quỹ Nhà nước. Đối với số tiền 500.000 đồng mà bị cáo H nhận của bị cáo C thông qua việc bán ma túy là tiền do phạm tội mà có, bị cáo đã ăn tiêu hết nên cần truy thu của bị cáo số tiền này sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc xe mô tô đã thu giữ của bị cáo C, đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp và là phương tiện đi lại hàng ngày của bị cáo, xét không liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo là phù hợp. Đối với chiếc điện thoại của bị cáo H dùng để liên lạc với S và C, quá trình điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xử lý.

[9] Về án phí: Các bị cáo có tội nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo H là cá nhân thuộc hộ nghèo nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Tạ Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Lê Thị Thanh H và Nguyễn Đức S. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Tạ Văn C.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Lê Thị Thanh H 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 12/7/2018. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức S 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21/5/2018. Xử phạt bị cáo Tạ Văn C 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 18/5/2018.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu cho tiêu hủy: 0,123 gam mẫu chất màu trắng và vỏ bao gói mẫu đựng trong phong bì niêm phong số 2674/C54(TT2) của Viện khoa học hình sự - Tổng cục cảnh sát

- Tịch thu phát mai sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 112 màu đen, số IMEI 357253/05/822210/4, bên trong lắp thẻ Sim số 01263479907, không rõ số seri Sim được đựng trong phong bì niêm phong ghi số 1, trên bì có chữ ký của bị cáo Tạ Văn C và các ông, bà Nguyễn Như Q, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vertu màu đen – trắng, có số IMEI 1: 358549021123710, bên trong lắp Sim số 0963490196, số seri 898404800000754045

được đựng trong phong bì niêm phong ghi số 2, trên bì có 04 chữ ký của bị cáo Nguyễn Đức S và các ông, bà Nguyễn Như Q, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T.

- Tịch thu cho tiêu hủy 01 mảnh giấy vệ sinh màu trắng (đã cũ).

- Truy thu của bị cáo Lê Thị Thanh H số tiền 500.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Trả lại bị cáo Tạ Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Dream màu nâu, số máy HA08E1699402, số khung 0808AY399411, biển kiểm soát 34C1-152.96, xe đã qua sử dụng.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/8/2018 giữa Công an thị xã Chí Linh và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Nguyễn Đức S và Tạ Văn C mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Thị Thanh H.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Công an thị xã Chí Linh;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lâm